CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO

Ngày 31/03/2025	44,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.5%	**13.8%**	**15.3%**

DT thuần
Q1/25
736
tỷ VNĐ
QoQ: ▼100| -12.0%
YoY: ▲ 109| 17.4%

LN thuần
Q1/25
23.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.30| -5.3%
YoY: ▲ 10.5| 79.9%

LN sau thuế
Q1/25
18.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.20| -1.2%
YoY: ▲ 8.30| 78.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
3.3%
YoY: +/-▲ 0.3%

ROE (TTM)
Q1/25
14.6%
YoY: +/-▲ 1.4%

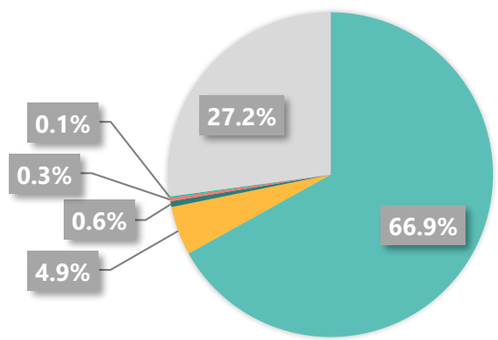
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	36,800 - 51,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	355
Số lượng CPLH (CP)	8,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,580
Sở hữu nước ngoài	9.4%
Beta	
EPS	8,208
P/E	5.4

DT thuần
2024
2,967
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 517| 21.1%

LN thuần
2024
74.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.5| 30.6%

LN sau thuế
2024
57.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.70| 18.0%

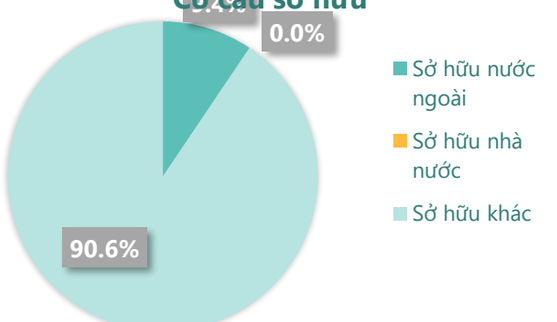
Cơ cấu cổ đông



- Tổng công ty IDICO - CTCP
- KB Vietnam QVM Securities Master Fund (Equity)
- Trần Văn Phú
- Trần Thúy Hường
- Nguyễn Ngọc Minh
- Khác

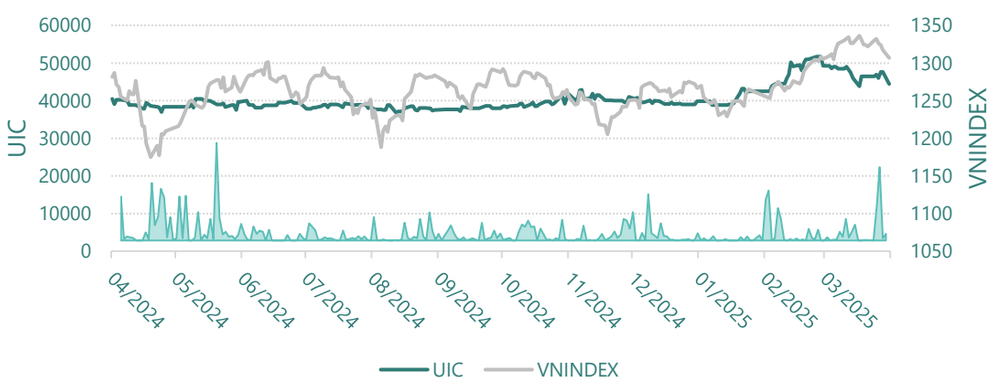
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

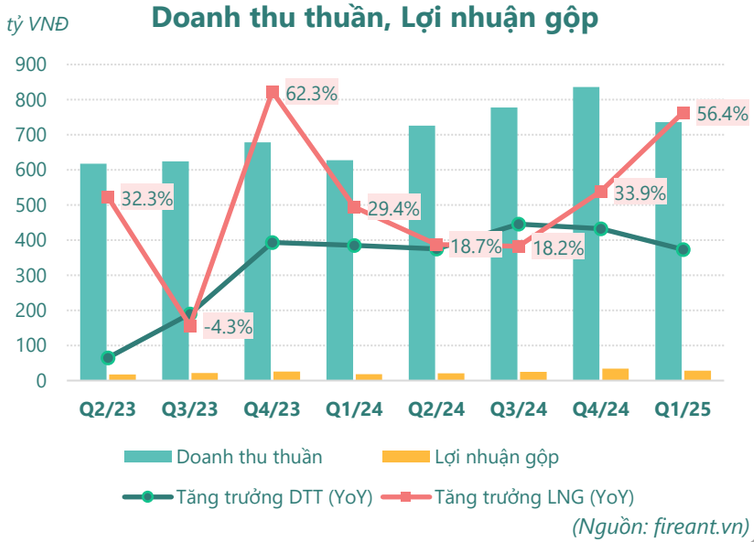


(Nguồn: fireant.vn)

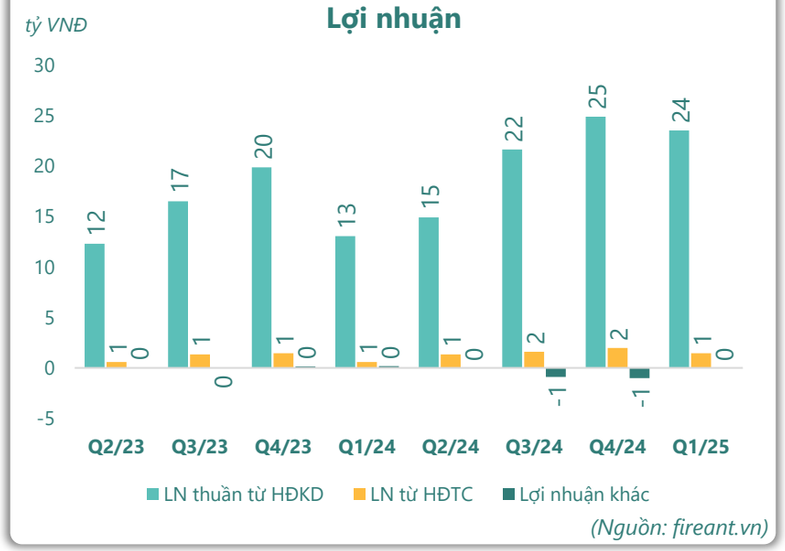
Lịch sử giá



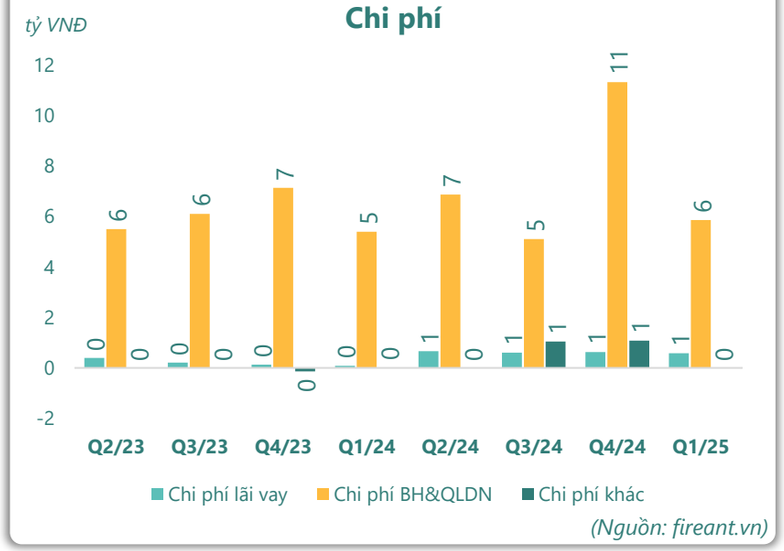
KẾT QUẢ KINH DOANH



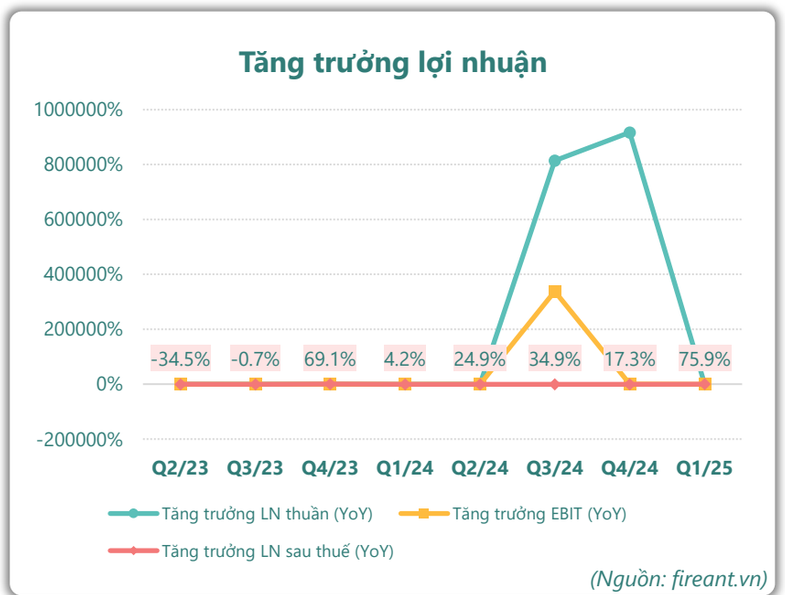
(Nguồn: fireant.vn)



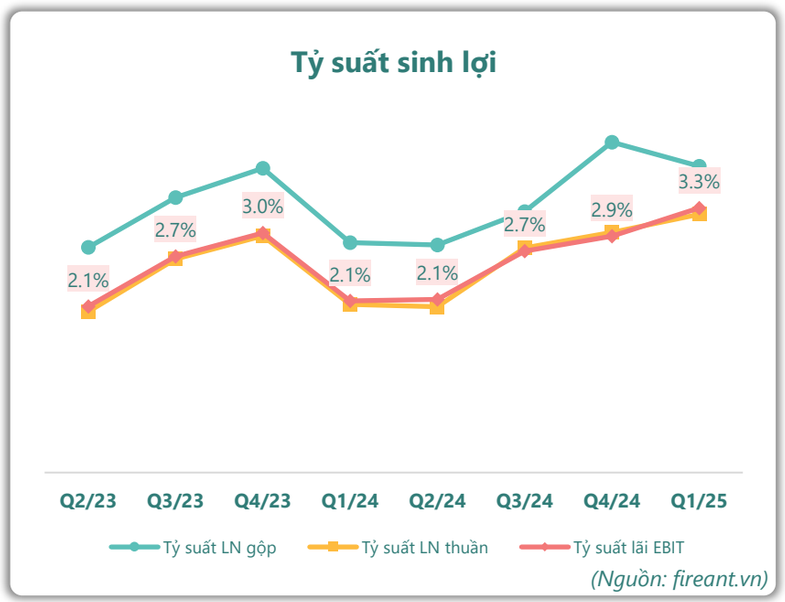
(Nguồn: fireant.vn)



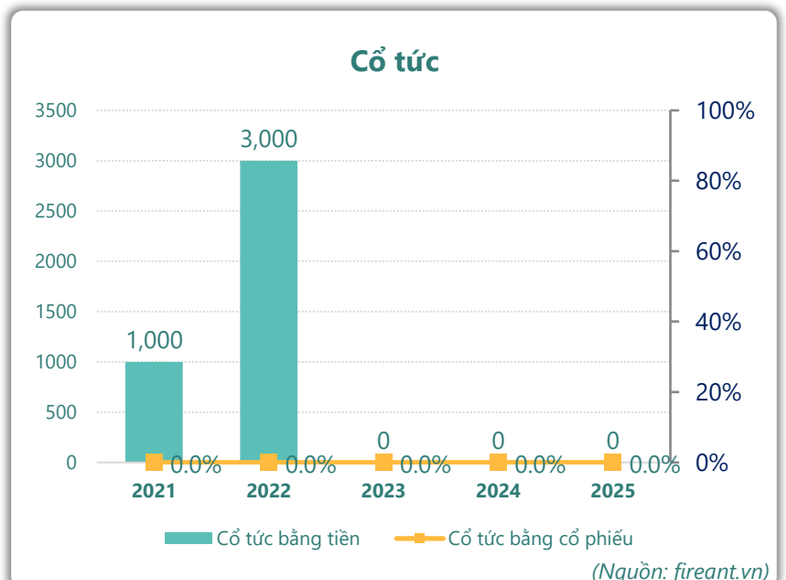
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

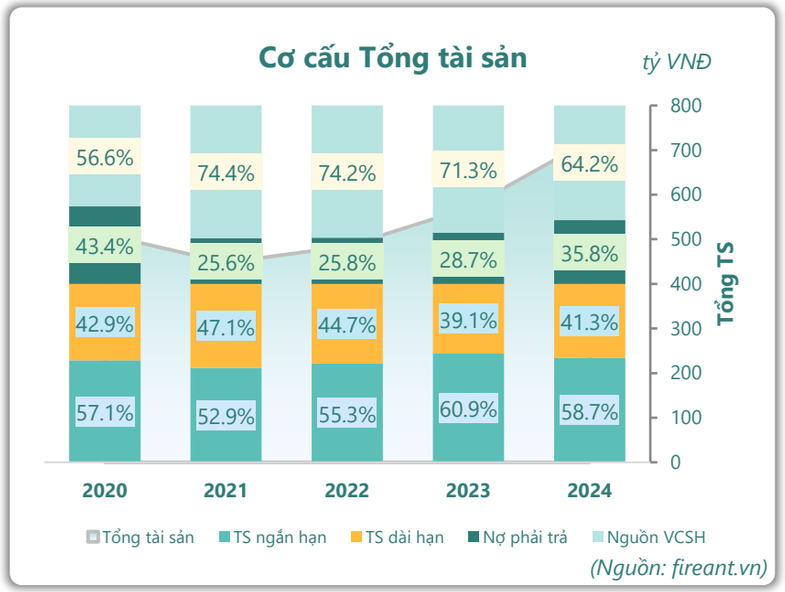


(Nguồn: fireant.vn)

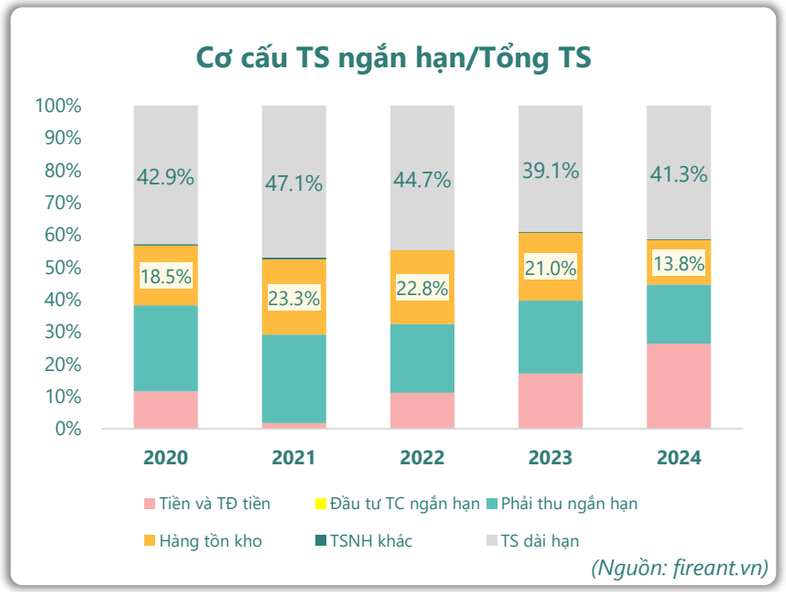


(Nguồn: fireant.vn)

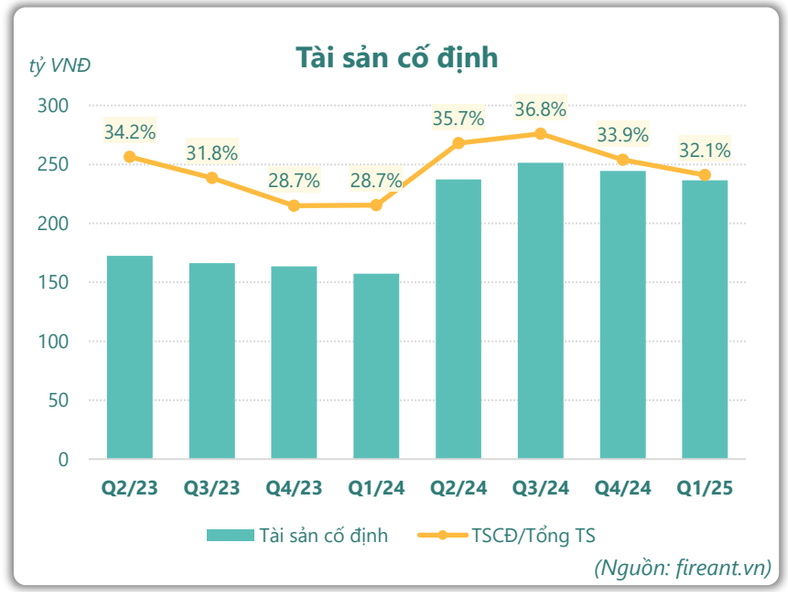
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



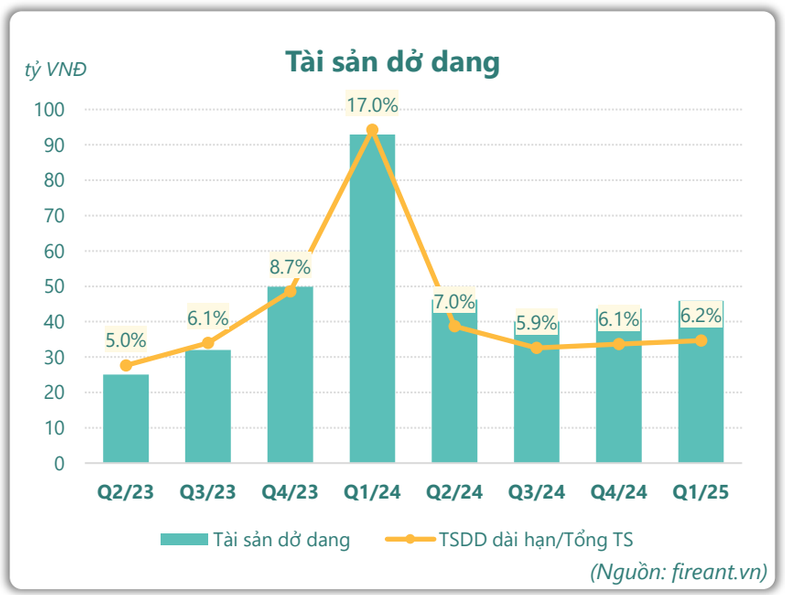
(Nguồn: fireant.vn)



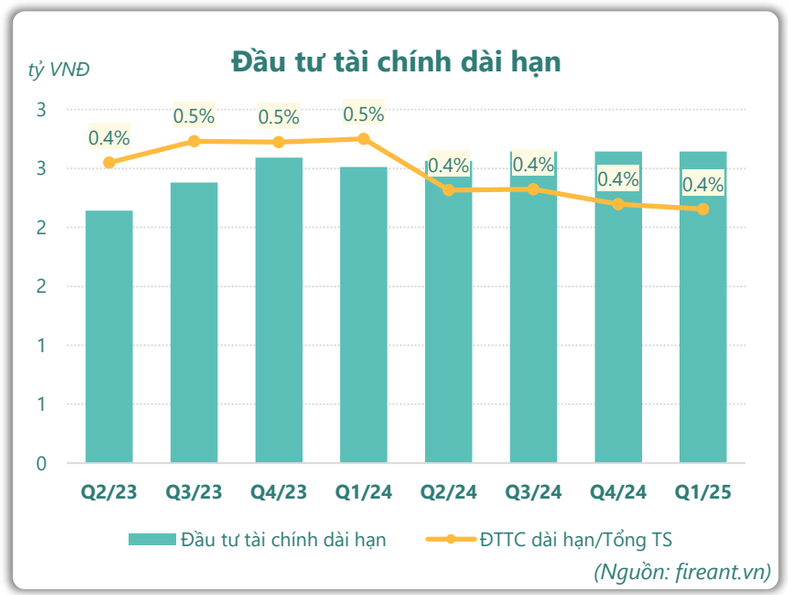
(Nguồn: fireant.vn)



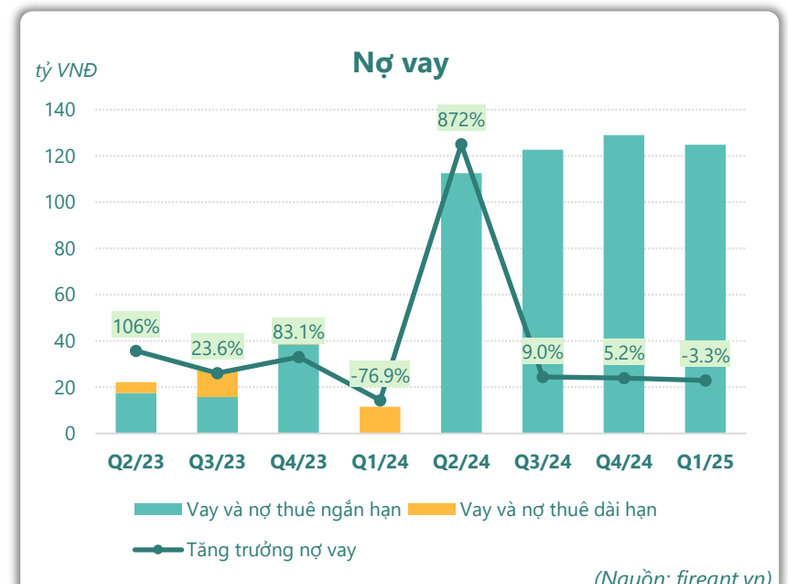
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



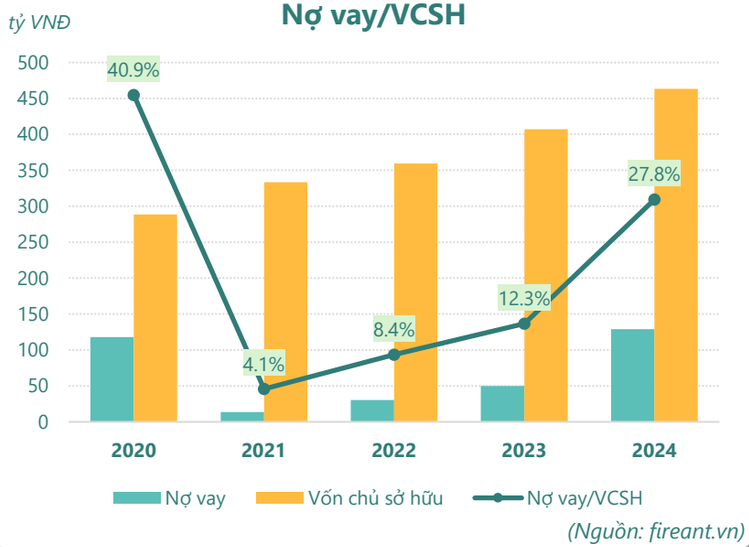
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

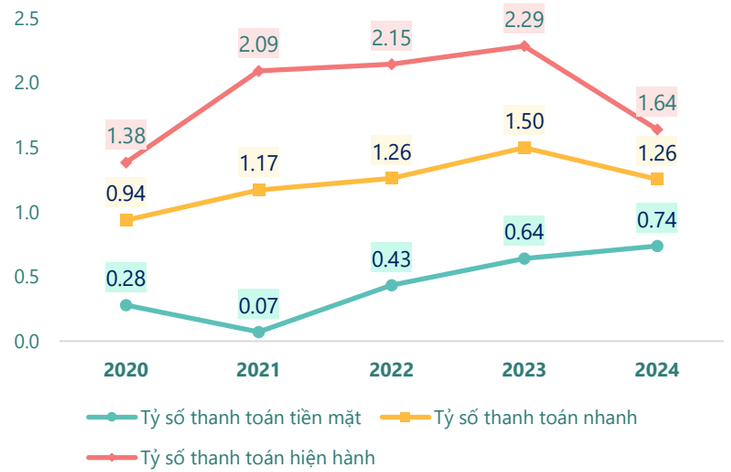
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



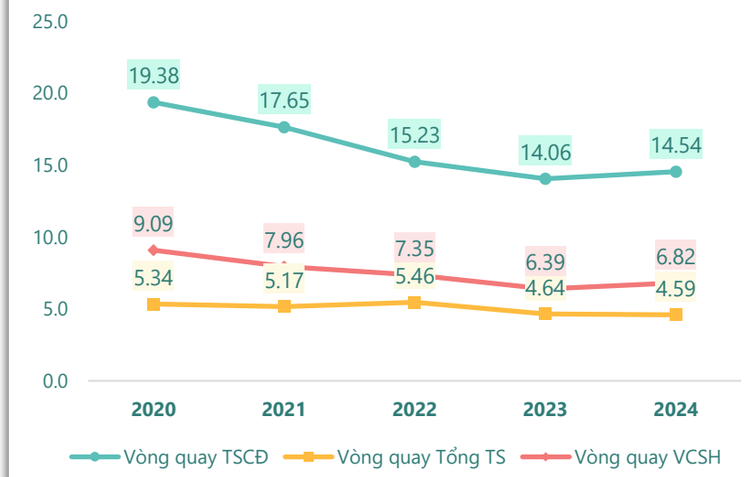
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



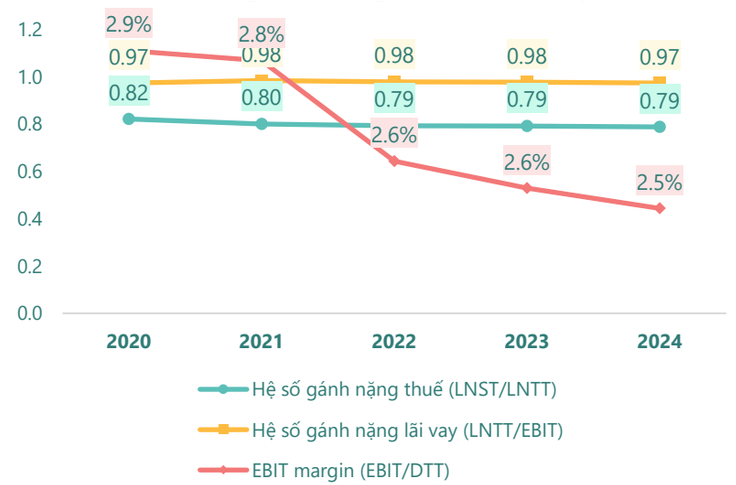
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



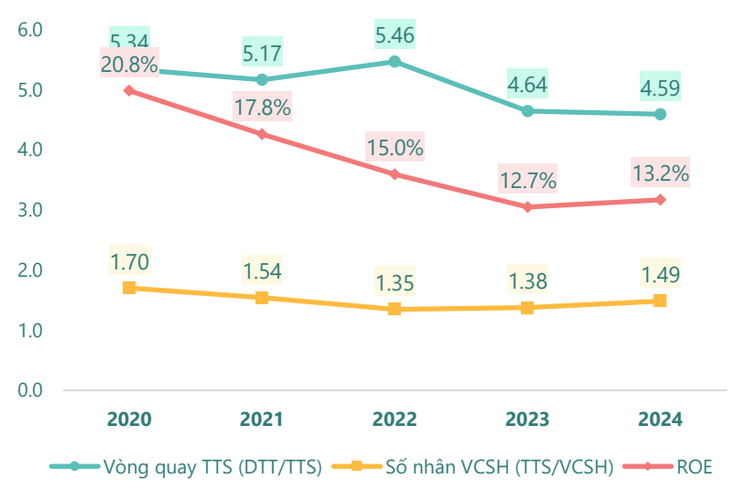
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



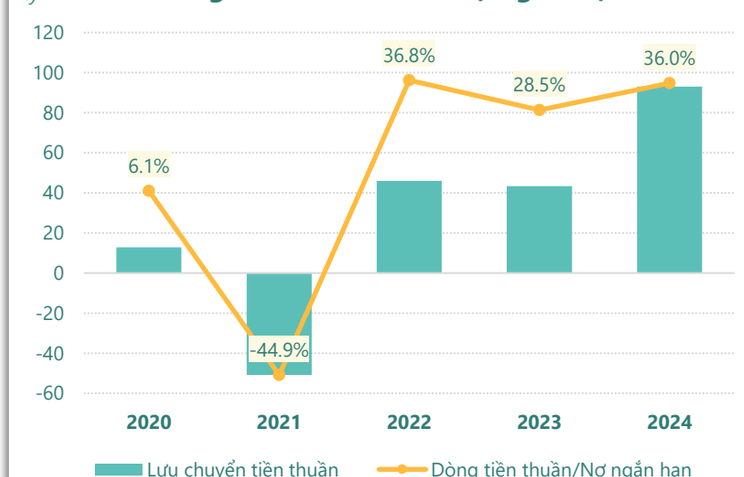
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**736**	**627**	**17.4%**	**2,967**	**2,450**	**21.1%**
Giá vốn hàng bán	708	609	16.3%	2,870	2,372	21.0%
Lợi nhuận gộp	28.0	17.9	56.2%	97.8	78.0	25.5%
Doanh thu HĐTC	2.05	0.76	169%	7.43	4.83	53.8%
Chi phí TC	0.58	0.17	243%	1.92	0.93	106%
Chi phí lãi vay	0.58	0.09	547%	1.97	1.41	40.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**5.86**	**5.40**	**8.6%**	**28.7**	**24.8**	**16.0%**
LN thuần từ HĐKD	23.6	13.1	79.9%	74.6	57.1	30.6%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.19**	**-99.5%**	**-1.74**	**4.32**	**-140%**
LN trước thuế	23.6	13.3	77.2%	72.9	61.4	18.6%
Lợi nhuận sau thuế	**18.8**	**10.5**	**78.8%**	**57.4**	**48.7**	**18.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**18.8**	**10.5**	**78.8%**	**57.4**	**48.7**	**18.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.8	11.3	18.3	36.4	25.0	21.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	34.6	-59.1	-125	-31.7	139	-26.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	22.7	-38.5	101	10.1	6.32	-4.27
Tiền đầu kỳ	13.3	97.4	11.1	5.53	20.4	190
Lưu chuyển tiền thuần	**84.2**	**-86.3**	**-5.56**	**14.9**	**170**	**-9.83**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	97.4	11.1	5.53	20.4	190	181

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**736**	**722**	**2.0%**
Tài sản ngắn hạn	444	424	4.9%
Tiền và tương đương tiền	181	190	-5.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.0	0	
Phải thu ngắn hạn	141	132	7.2%
Hàng tồn kho	93.9	99.3	-5.5%
Tài sản ngắn hạn khác	3.50	2.30	51.9%
Tài sản dài hạn	**292**	**298**	**-2.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	236	244	-3.3%
Bất động sản đầu tư	2.20	2.41	-9.1%
Tài sản dở dang	45.9	43.7	5.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.64	2.64	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**4.80**	**5.14**	**-6.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	254	258	-1.7%
Nợ ngắn hạn	**254**	**258**	**-1.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	125	129	-3.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	106	107	-1.0%
Nợ dài hạn	0.11	0.11	-1.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**482**	**463**	**4.1%**
Vốn chủ sở hữu	**482**	**463**	**4.1%**
Vốn điều lệ	80.0	80.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)